

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN STB

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-34

02  
CỔ  
CỔ  
ĐI  
HÀ  
1  
1-1

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ST8 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý I năm 2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ST8 (đổi tên từ Công ty Cổ phần Siêu Thanh) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 03 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 21 tháng 04 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Tôn Việt	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Đại	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2023
Ông Phạm Vĩnh Phú	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2023
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2023
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Hương Lan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Bà Cái Kim Thoa	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023
Bà Huỳnh Thị Thảo Sương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2023

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8

A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý I năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Văn Đại**  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

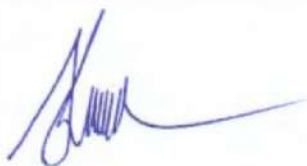
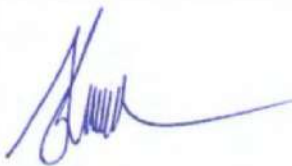
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>292.199.010.310</b>	<b>312.093.913.389</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>9.464.474.089</b>	<b>266.876.794.637</b>
111	1. Tiền		9.464.474.089	1.531.122.693
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	265.345.671.944
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>264.738.055.576</b>	<b>43.044.909.535</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	12.666.600.115	42.257.292.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	84.572.342.131	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	167.499.113.330	787.617.535
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>8.670.761.779</b>	<b>-</b>
141	1. Hàng tồn kho		8.670.761.779	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.325.718.866</b>	<b>2.172.209.217</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	372.425.935	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.943.472.773	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.009.820.158	2.172.209.217
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>101.883.543.421</b>	<b>-</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>18.074.643.330</b>	<b>-</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	18.074.643.330	-
222	- Nguyên giá		79.303.101.811	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.228.458.481)	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5</b>	<b>32.000.000.000</b>	<b>-</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		32.000.000.000	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>51.808.900.091</b>	<b>-</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	244.526.383	-
269	2. Lợi thế thương mại		51.564.373.708	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>394.082.553.731</b>	<b>312.093.913.389</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>64.587.603.338</b>	<b>53.653.127.196</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>64.587.603.338</b>	<b>53.653.127.196</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	10.192.347.047	34.572.454.400
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.060.823.128	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.418.444.613	15.238.647.779
314	4. Phải trả người lao động		488.962.684	88.632.682
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	50.370.362	15.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	217.109.346	73.999.612
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	33.495.153.435	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>329.494.950.393</b>	<b>258.440.786.193</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>329.494.950.393</b>	<b>258.440.786.193</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		257.209.020.000	257.209.020.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		257.209.020.000	257.209.020.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.843.009.673	1.231.766.193
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		1.231.766.193	-
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		611.243.480	1.231.766.193
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		70.442.920.720	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>394.082.553.731</b>	<b>312.093.913.389</b>


Trần Thị Kim Loan  
Người lập

Trần Thị Kim Loan  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

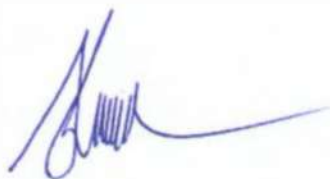
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	15.174.622.496	296.567.083.704	15.174.622.496	296.567.083.704
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	-	700.000	-	700.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.174.622.496	296.566.383.704	15.174.622.496	296.566.383.704
11	4. Giá vốn hàng bán	21	13.968.525.443	250.659.977.300	13.968.525.443	250.659.977.300
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.206.097.053	45.906.406.404	1.206.097.053	45.906.406.404
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	944.623.432	1.160.277.989	944.623.432	1.160.277.989
22	7. Chi phí tài chính	23	83.561.526	345.378.701	83.561.526	345.378.701
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		83.561.526	345.378.701	83.561.526	345.378.701
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	24	116.449.540	26.917.657.913	116.449.540	26.917.657.913
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	723.415.033	13.818.990.638	723.415.033	13.818.990.638
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.227.294.386	5.984.657.141	1.227.294.386	5.984.657.141
31	12. Thu nhập khác	26	-	1.436.905.129	-	1.436.905.129
32	13. Chi phí khác	27	-	26.793.755	-	26.793.755
40	14. Lợi nhuận khác		-	1.410.111.374	-	1.410.111.374

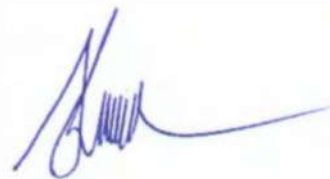
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
			VND	VND	VND	VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.227.294.386	7.394.768.515	1.227.294.386	7.394.768.515
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	270.094.176	1.395.371.834	270.094.176	1.395.371.834
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(106.758.897)	-	(106.758.897)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>957.200.210</u>	<u>6.106.155.578</u>	<u>957.200.210</u>	<u>6.106.155.578</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		611.243.480	5.347.908.162	611.243.480	5.347.908.162
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		345.956.730	758.247.416	345.956.730	758.247.416
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29			24	208


Trần Thị Kim Loan  
Người lập

TP Hồ Chí Minh, ngày 28... tháng 04... năm 2023


Trần Thị Kim Loan  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.227.294.386	7.394.768.515
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		258.466.977	3.403.619.613
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(944.623.432)	(1.211.610.277)
06	- Chi phí lãi vay		83.561.526	345.378.701
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		624.699.457	9.932.156.552
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(225.221.020.440)	7.441.262.167
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.670.761.779)	35.870.204.658
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(24.952.335.271)	(19.348.591.204)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(616.952.318)	(7.449.664.881)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(48.191.164)	(417.451.720)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(50.000.000)	(2.114.598.396)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(258.934.561.515)	23.913.317.176
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(210.000.000)	(4.840.848.524)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.445.454.546
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.780.000.000)	(17.665.426.038)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.780.000.000	18.156.071.171
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.732.240.967	1.687.079.511
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.522.240.967	(1.217.669.334)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	30.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(59.983.914.985)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(771.466.740)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(30.755.381.725)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2023	Quý I năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(257.412.320.548)	(8.059.733.883)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		266.876.794.637	77.694.953.913
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>9.464.474.089</u>	<u>69.635.220.030</u>



Trần Thị Kim Loan  
Người lập



Trần Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28.. tháng 04.. năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ST8 (đổi tên từ Công ty Cổ phần Siêu Thanh) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 03 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 21 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 257.209.020.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 257.209.020.000 đồng; tương đương 25.720.902 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là: quản lý khoản đầu tư vào Công ty Con và các hoạt động đầu tư khác.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8	Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh nông, lâm sản

- Công ty con gián tiếp được hợp nhất tại thời điểm 31/03/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	65,00%	65,00%	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 08 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 - 15 năm |

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí thuê nhà xưởng được phân bổ theo thời gian trả tiền thuê đất định kỳ.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.13 . Vay và nợ phải trả**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.



**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.22 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . HỢP NHẤT KINH DOANH**

**Mua Công ty con**

Ngày 14/03/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ST8 (tiền thân là Công ty Cổ phần Siêu Thanh) hoàn thành góp vốn vào công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8 với tổng giá phí đầu tư là 190.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/03/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8 có số vốn thực góp là 190.000.000.000 đồng, do đó tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ST8 tại công ty con là 100%.

Ngày 14/03/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại ST8 hoàn thành việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam với giá phí khoản đầu tư là 182.000.000.000 đồng - tương ứng với 65% vốn điều lệ. Từ ngày 14/03/2023 Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam trở thành công ty con trực tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại ST8 và công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm 31/03/2023 đã bao gồm hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8 và Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán Quý I năm 2023 của Công ty bao gồm hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý I năm 2023 của Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8; và Báo cáo kết quả kinh doanh từ ngày 14/03/2023 đến ngày 31/03/2023 của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

<u>Diễn giải</u>	<u>Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát</u>	<u>Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý (a)</u>	<u>Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát</u>
Tổng giá trị tài sản thuần	200.277.039.972	-	200.277.039.972
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			70.096.963.990
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn			<u>130.180.075.982</u>
Tổng giá phí của khoản đầu tư			<u>182.000.000.000</u>
<b>Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 12)</b>			<b><u>51.819.924.018</u></b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	5.091.857.796	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.372.616.293	1.531.122.693
Các khoản tương đương tiền	-	265.345.671.944
	<b><u>9.464.474.089</u></b>	<b><u>266.876.794.637</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.000.000.000	-	-	-
	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng số 131/2020/45890 ngày 04/05/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 131/2020/45890 ngày 07/05/2022, số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất 3,8%/năm, kỳ hạn 12 tháng.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết**

Là khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam vào Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0901125195 cấp lần đầu ngày 05/08/2022. Theo đó Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam chiếm 45,71% vốn điều lệ.

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Thiết bị Văn phòng Siêu SYMBOLIC	-	-	42.257.292.000	-
START, UNIPESSOAL, LDA	3.251.073.228	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ nhựa và môi trường NK - Nhà máy nhựa công nghệ cao ECOPAK INTERNATIONAL LTD	2.732.400.000	-	-	-
GEDEON SERVICES LIMITED	1.630.644.003	-	-	-
GLOBAL TRADING UK LTD	1.288.975.344	-	-	-
COOP EESTI KESKUHISTU/ COOP	832.285.974	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	821.509.327	-	-	-
	2.109.712.239	-	-	-
	<b>12.666.600.115</b>	<b>-</b>	<b>42.257.292.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Thương mại Nam Cường	47.449.257.500	-	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Quang	10.180.000.000	-	-	-
AN THANH BICSOL SINGAPORE PTE, LTD	1.258.850.934	-	-	-
Đối tượng khác	25.684.233.697	-	-	-
	<b>84.572.342.131</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**

A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	787.617.535	-
Tạm ứng	-	-	-	-
+ <i>Tạm ứng phục vụ xây dựng nhà máy mới</i>	38.895.066.148	-	-	-
+ <i>Tạm ứng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	15.194.000.000	-	-	-
Hợp tác sản xuất Hạt nhựa - Hộ kinh doanh Nguyễn Huy Tuấn	14.500.000.000	-	-	-
Giá trị thuế GTGT đầu vào đang thực hiện thủ tục hoàn của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam	8.000.000.000	-	-	-
Ông Ngô Bảo Lâm (*)	35.746.620.000	-	-	-
Ông Đinh Ngọc Luân (*)	19.299.825.000	-	-	-
Ông Lê Mậu An (*)	20.097.750.000	-	-	-
Đặt cọc tiền mua đất tại Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	14.849.120.000	-	-	-
Phải thu khác	916.732.182	-	-	-
	<b>167.499.113.330</b>	<b>-</b>	<b>787.617.535</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản chi phục vụ hoạt động tìm kiếm danh mục đầu tư cho công ty.

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.216.899.260	-	-	-
Hàng hoá	453.862.519	-	-	-
	<b>8.670.761.779</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	2.437.161.383	74.831.242.974	1.824.697.454	79.093.101.811
- Mua trong kỳ	-	-	210.000.000	210.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.437.161.383</b>	<b>74.831.242.974</b>	<b>2.034.697.454</b>	<b>79.303.101.811</b>
- Tăng do hợp nhất	1.756.384.624	58.252.373.062	1.216.784.128	61.225.541.814
- Khấu hao trong kỳ	-	-	2.916.667	2.916.667
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.756.384.624</b>	<b>58.252.373.062</b>	<b>1.219.700.795</b>	<b>61.228.458.481</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>680.776.759</b>	<b>16.578.869.912</b>	<b>814.996.659</b>	<b>18.074.643.330</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định được dùng thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay: 64.548.379.239 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.071.600.126 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê nhà xưởng	335.911.444	-
Bảo hiểm tài sản	25.618.673	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.895.818	-
	<u><b>372.425.935</b></u>	<u><b>-</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phần mềm kế toán	1.795.007	-
Công cụ dụng cụ	237.861.376	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.870.000	-
	<u><b>244.526.383</b></u>	<u><b>-</b></u>

**12 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ (thuyết minh số 03)	51.819.924.018	-
- Số dư cuối kỳ	<u><b>51.819.924.018</b></u>	<u><b>-</b></u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
- Số phân bổ trong kỳ	255.550.310	-
- Số dư cuối năm	<u><b>255.550.310</b></u>	<u><b>-</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
- Số dư đầu kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	<u><b>51.564.373.708</b></u>	<u><b>-</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	-	-	34.572.454.400	34.572.454.400
Công ty Cổ phần Haplant	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần PMJ	1.085.728.054	1.085.728.054	-	-
Công ty Cổ phần Hanotech Việt Nam	817.685.000	817.685.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Thăng Long	541.705.000	541.705.000	-	-
Công ty TNHH Sunrise Colours Việt Nam	526.050.000	526.050.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Nam Quang Minh	237.829.000	237.829.000	-	-
Đối tượng khác	3.483.349.993	3.483.349.993	-	-
	<b>10.192.347.047</b>	<b>10.192.347.047</b>	<b>34.572.454.400</b>	<b>34.572.454.400</b>

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
LTS TRADING SERVICES LIMITED	292.625.040	-
REDDIPAK LIMITED	233.471.955	-
FRISCHA GMBH COMPANY	173.909.971	-
MDD MADINA COME'RCIO E INDUSTRY LDA	164.289.664	-
Các đối tượng khác	196.526.498	-
	<b>1.060.823.128</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	15.225.283.646	(112.266.200)	-	-	15.113.017.446
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.172.209.217	-	(440.873.300)	50.000.000	2.968.509.684	305.427.167
Thuế Thu nhập cá nhân	-	13.364.133	(15.524.607)	39.150.000	41.310.474	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
	<b>2.172.209.217</b>	<b>15.238.647.779</b>	<b>(557.664.107)</b>	<b>100.150.000</b>	<b>3.009.820.158</b>	<b>15.418.444.613</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	35.370.362	-
- Chi phí phải trả khác	15.000.000	15.000.000
	<b>50.370.362</b>	<b>15.000.000</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	87.301.800	-
- Bảo hiểm xã hội	43.423.900	-
- Bảo hiểm y tế	8.041.644	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.342.390	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	40.848.555	40.848.555
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.151.057	33.151.057
	<b>217.109.346</b>	<b>73.999.612</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, theo hợp đồng cho vay hạn mức số 216-04/2022/HĐCVHM/NHCT131-NST ngày 12 tháng 09 năm 2022. Hạn mức cho vay không vượt quá 35.000.000.000 VNĐ bao gồm cả các khoản nợ, số dư LC đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 164-01/2021/HĐCVHM/NHCT131-NST ngày 04/08/2021. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 12 tháng 09 năm 2022 đến ngày 12 tháng 09 năm 2023, lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh túi nhựa, hạt nhựa các loại.

Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Hợp đồng thế chấp số 213-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022, tài sản đảm bảo là một số máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam, giá trị tài sản đảm bảo là 31.923.000.000 VNĐ.
- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 215-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 14/09/2022, tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Nhựa Sinh thái Việt Nam là nhựa hạt các loại, các nguyên vật liệu, phụ liệu khác để sản xuất bao bì nhựa, bao bì nhựa thành phẩm, bán thành phẩm các loại với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 20.000.000.000 VNĐ.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 214-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022, tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO, số loại Frontier đã qua sử dụng, BKS 29C-950.70 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 322153 do Phòng cảnh sát giao thông Công an TP Hà Nội cấp ngày 06/07/2017 cho Công ty Cổ phần Nhựa sinh thái Việt Nam, giá trị tài sản thế chấp 289.000.000 VNĐ.
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 205-04/2022/HĐBĐ/NHCT131-NST ngày 12/09/2022, tài sản cầm cố là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn kênh Ipay do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội phát hành số TK 248009746276, giá trị 5.000.000.000 VNĐ, chủ tài sản Ông Nguyễn Đình Tuấn.

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>257.209.020.000</b>	<b>15.838.430.420</b>	-	<b>273.047.450.420</b>
Lãi/lỗ trong năm 2022	-	204.021.002.773	-	204.021.002.773
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-
Cổ tức đã công bố	-	(218.627.667.000)	-	(218.627.667.000)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>257.209.020.000</b>	<b>1.231.766.193</b>	-	<b>258.440.786.193</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>257.209.020.000</b>	<b>1.231.766.193</b>	-	<b>258.440.786.193</b>
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	611.243.480	345.956.730	957.200.210
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	70.096.963.990	70.096.963.990
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>257.209.020.000</b>	<b>1.843.009.673</b>	<b>70.442.920.720</b>	<b>329.494.950.393</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	257.209.020.000	100,00%	257.209.020.000
	<b>100%</b>	<b>257.209.020.000</b>	<b>100%</b>	<b>257.209.020.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	257.209.020.000	257.209.020.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	257.209.020.000	257.209.020.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	257.209.020.000	257.209.020.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	40.848.555	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	40.848.555	-

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	25.720.902	25.720.902
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.720.902	25.720.902
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.720.902	25.720.902
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.174.622.496	296.567.083.704
	<b>15.174.622.496</b>	<b>296.567.083.704</b>

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 VND
Giảm giá hàng bán	-	700.000
	<b>-</b>	<b>700.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.968.525.443	250.659.977.300
	<b>13.968.525.443</b>	<b>250.659.977.300</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	944.623.432	426.777.914
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	733.500.075
	<b>944.623.432</b>	<b>1.160.277.989</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	83.561.526	345.378.701
	<b>83.561.526</b>	<b>345.378.701</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	25.423.311	17.977.572.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.399.532	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.387.298	519.038.859
Chi phí khác bằng tiền	2.239.399	8.421.046.941
	<b>116.449.540</b>	<b>26.917.657.913</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	282.585.249	6.226.301.472
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.759.864	-
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	-
Lợi thế thương mại	255.550.310	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.145.145	5.339.988.152
Chi phí khác bằng tiền	103.374.465	2.252.701.014
	<b>723.415.033</b>	<b>13.818.990.638</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	-	60.689.272
Tiền thưởng và hỗ trợ	-	1.162.000.000
Thu nhập khác	-	214.215.857
	<b>-</b>	<b>1.436.905.129</b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí khác	-	26.793.755
	<b>-</b>	<b>26.793.755</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	270.094.176	1.395.371.834
	<b>270.094.176</b>	<b>1.395.371.834</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**

A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	611.243.480	5.347.908.162
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	611.243.480	5.347.908.162
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	25.720.902	25.720.902
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>24</b>	<b>208</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.464.474.089	-	266.876.794.637	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	180.165.713.445	-	43.044.909.535	-
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	-	-
	<b>192.630.187.534</b>	<b>-</b>	<b>309.921.704.172</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	33.495.153.435	-
Phải trả người bán, phải trả khác	10.409.456.393	34.646.454.012
Chi phí phải trả	50.370.362	15.000.000
	<b>43.954.980.190</b>	<b>34.661.454.012</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>				
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	<u>3.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.000.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8**A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.464.474.089	-	-	9.464.474.089
Phải thu khách hàng, phải thu khác	180.165.713.445	-	-	180.165.713.445
	<b>189.630.187.534</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>189.630.187.534</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	266.876.794.637	-	-	266.876.794.637
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.044.909.535	-	-	43.044.909.535
	<b>309.921.704.172</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>309.921.704.172</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>				
Vay và nợ	33.495.153.435	-	-	33.495.153.435
Phải trả người bán, phải trả khác	10.409.456.393	-	-	10.409.456.393
Chi phí phải trả	50.370.362	-	-	50.370.362
	<b>43.954.980.190</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>43.954.980.190</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	34.646.454.012	-	-	34.646.454.012
Chi phí phải trả	15.000.000	-	-	15.000.000
	<b>34.661.454.012</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.661.454.012</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ST8

A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2023

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 32 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 của công ty.



Trần Thị Kim Loan  
Người lập



Trần Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2023